

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 10 năm 2024

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 NĂM 2024**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 3 năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	<b>Tổng số thu</b>	<b>582.046.516.000</b>	<b>149.881.817.284</b>	<b>25,75%</b>	<b>112,88%</b>
1	Ngân sách Nhà nước				
2	Dịch vụ y tế	505.478.941.000	130.333.965.367	25,78%	113,16%
3	Thu khác ( hoạt động dịch vụ )	76.567.575.000	19.547.851.917	25,53%	111,04%
II	<b>Tổng chi</b>	<b>582.046.516.000</b>	<b>142.276.249.920</b>	<b>24,44%</b>	<b>117,50%</b>
A	<b>Tổng chi thường xuyên</b>	<b>581.620.721.000</b>	<b>142.120.113.616</b>	<b>24,44%</b>	<b>117,63%</b>
	<b>Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân</b>	<b>111.953.504.000</b>	<b>46.142.208.755</b>	<b>41,22%</b>	<b>123,52%</b>
1	Tiền lương	39.604.624.000	14.521.574.678	36,67%	134,35%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	10.640.739.000	3.907.103.334	36,72%	110,49%
3	Phụ cấp lương	50.844.882.000	23.369.095.908	45,96%	118,83%
4	Tiền thưởng	728.525.000	-		
5	Phúc lợi tập thể	25.308.000	4.241.000	16,76%	25,39%
6	Các khoản đóng góp	10.062.053.000	4.340.193.835	43,13%	130,39%
7	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	47.373.000	-		
	<b>Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>465.394.609.000</b>	<b>92.498.917.087</b>	<b>19,88%</b>	<b>115,97%</b>
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	9.666.497.000	3.854.518.599	39,88%	120,55%
9	Vật tư văn phòng	5.175.674.000	1.253.580.188	24,22%	96,60%
10	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	840.151.000	346.177.034	41,20%	122,66%
11	Hội nghị	-	-		
12	Công tác phí	476.155.000	204.037.000	42,85%	268,63%
13	Chi phí thuê mướn	10.315.157.000	930.995.000	9,03%	116,94%
14	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	13.056.269.000	1.155.109.639	8,85%	44,56%
15	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	12.906.000.000	7.151.105.661	55,41%	872,74%
16	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	412.945.796.000	77.603.393.966	18,79%	109,76%
17	Mua sắm tài sản vô hình	-	-		
18	Chi lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	12.910.000	(1.011.257)		
	<b>Nhóm 3: Các khoản chi khác</b>	<b>4.272.608.000</b>	<b>3.478.987.774</b>	<b>81,43%</b>	<b>93,89%</b>
19	Chi khác	3.882.082.000	3.478.987.774	89,62%	94,03%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 3 năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
20	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoán chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	-	-		
21	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	390.526.000	-		
<b>B</b>	<b>Trích bổ sung chi lương</b>	<b>425.795.000</b>	<b>156.136.304</b>	<b>36,67%</b>	<b>60,80%</b>

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVT;
- Lưu TCKT.

Người lập bảng

Lê Nguyễn Kiều My

Kế toán trưởng

Phan Thụy Thu Vân

Ninh Thuận, ngày 07 tháng 10 năm 2024

Giám đốc



Lê Huy Thạch